**ĐỀ 1**

**5. Cạnh tranh trong nội bộ ngành dẫn đến hình thành:**

a. Giá cả thị trường của hàng hóa

b. Giá trị thị trường của hàng hóa

c. Lợi nhuận bình quân

d. Ti suất lợi nhuận bình quân

**6. Cạnh tranh giữa các ngành dẫn đến hình thành:**

a. Giá cả thị trường của hàng hóa

b. Giá trị thị trường của hàng hóa ,

c. Tỉ suất lợi nhuận bình quân

d. Lợi nhuận bình quân

**7. Tham gia vào nền kinh tế thị trường gồm có các chủ thể nào sau đây:**

a. Người sản xuất

b. Người tiêu dùng

c. Các chủ thể trung gian và Nhà nước

d. Cả a,b,c.

**8. Điểm giống nhau trong công thức lưu thông hàng hóa giản đơn (H T H) và lưu thông tư bản (T H T’) là:**

a. Đều có 2 nhân tổ tiền và hàng

b. Đều thể hiện 2 hành vi mua và bán.

c. Đều thể hiện mối quan hệ giữa người mua và người bán.

d. Cả a,b,c.

**9. Điểm khác nhau trong công thức lưu thông TB và lưu thông hàng hóa giản đơn là**

a. Tiền thu về phải lớn hơn tiền bỏ ra.

b. Nó vận động không ngừng.

c. Bắt đầu bằng hành vi bản và kết thúc bằng hành vi mua.

d. Cả a và b.

**10. Tiền công danh nghĩa phụ thuộc vào nhân tố nào sau đây:**

a. Giá trị sức lao động.

b. Quan hệ cung - cầu sức lao động trên thị trường

c. Các nhân tố kinh tế, chính trị, xã hội khác v.v..

d. Cả a,b,c.

**11. Trong các yếu tố dưới đây, yếu tố nào thuộc về tư bản cố định:**

a. Đất đai làm mặt bằng sản xuất

b. Máy móc, nhà xưởng.

c. Tiền lương

d. Cả a và b

**12. Nhận định nào sau đây là dùng về tư bản cố định:**

a. Tư bản cố định là tư bản không di chuyển trong quá trình sản xuất.

b. Tư bản cố định là tư bản tham gia vào quá trình Sx thì chuyển toàn bộ giá trị sang

sản phẩm.

c. Tư bản cố định là tư bản tham gia toàn bộ vào quá trình sản xuất nhưng giá trị chỉ chuyển từng phần sang sản phẩm.

d. Từ bản cố định là tư bản phải có khi tham gia vào quá trình sản xuất.

**13. Nhận định nào sau đây là đúng về tư bản lưu động:**

a. Tư bản lưu động là tư bản di chuyển trong quá trình sản xuất.

b. Tự bản lưu động là tư bản tham gia vào quá trình sx thì chuyển toàn bộ giá trị sang sản phẩm

c. Tư bản lưu động là tư bản tham gia toàn bộ vào quá trình sx nhưng giá trị chỉ chuyển từng phần sang sản phẩm.

d. Từ bàn lưu động là tư bản phải có khi tham gia vào quá trình sản xuất.

**14. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tuyệt đối là phương pháp thu được (m) bằng cách**

1. Kéo dài thời gian lao động

b. Tăng năng suất lao động.

c. Tăng cường độ lao động.

d. Cả a,b,c

**15. Quy mô tích lũy tư bản phụ thuộc vào:**

a. Khối lượng (m)

b. Tỉ lệ phân chia (m) cho tích lũy và tiêu dùng

c. Tỉ suất (m) và các nhân tố khác ...

d. Cả a,b,c

**16. Điểm khác nhau giữa tích tụ và tập trung tư bản là:**

a. Tích tụ phản ánh quan hệ giữa nhà tư bản và người công nhân, còn tập trung phản ánh quan hệ giữa các nhà tư bản với nhau.

b. Tích tụ là tư bán tự lớn lên, còn Tập trung lớn lên bằng cách kết hợp nhiều tư bản nhỏ thành tư bản lớn

c. Tích tụ là kết quả trực tiếp của tích lũy tư bản, còn tập trung là phân phối lại tư bản xã

d. Cả a,b,c đều đúng.

**17. Trong xã hội tư bản, tư bản thương nghiệp ra đời từ :**

a. Tư bản cho vay

b. Tư bản ngân hàng.

c. Tư bản công nghiệp

d. Tư bản nông nghiệp.

**18.Nguồn gốc của lợi nhuận thương nghiệp là do:**

a. Do tư bản thương nghiệp giỏi bán hàng mà có.

b. Do tư bản công nghiệp nhường một phần (m) cho TB thương nghiệp.

c. TB công nghiệp bán hàng dưới giá trị xã hội cho TB thương nghiệp.

d. Cả b và c đúng.

**19. Địa tô tuyệt đối hình thành trên**

a. Ruộng xấu

b. Đất tốt

c. Đất đai màu mỡ

d. Đất mặt tiền

**20. Nguồn gốc của địa tô là do**

a. Thâm canh đất đai.

b. Đất đai màu mỡ

c. Công nhân nông nghiệp tạo ra

d. Cả a,b,c

**21. Hình thức cạnh tranh của CNTB giai đoạn độc quyền là**

a. Trong độc quyền và ngoài độc quyền.

b. Độc quyền này và độc quyền khác.

c. Độc quyền nước này và độc quyền nước khác.

d. cả a,b,c

**22. Nguyên nhân ra đời của CNTB độc quyền nhà nước là**

a. Quá trình tích tụ và tập trung sản xuất quy mô quá lớn.

b. Do xuất hiện một số ngành mà tư nhân không muốn đầu tư hoặc không thể đầu tư.

c. Do mâu thuẫn xã hội và quá trình quốc tế hòa đời sống kinh tế

d. Cả a,b,c đúng.

**23. Nhận định nào sau đây là đúng về những biểu hiện của CNTB độc quyền nhà nước:**

a. Sự kết hợp về nhân sự giữa các tổ chức độc quyền và nhà nước.

b. Sự hình thành và phát triển của các loại hình sở hữu nhà nước..

c. Sự tham gia điều tiết kinh tế của nhà nước tư bản.

d. Cả a,b,c

**24. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là nền kinh tế:**

a. Vừa tuân theo quy luật thị trường.

b. Vừa định hướng CNXH.

c. Mục tiêu là Dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh.

d. Cả a,b,c.

**25. Nghị quyết Đại hội XII xác định nước ta có 4 thành phần kinh tế, trong đó không có thành**

**phần nào sau đây**:

a. Kinh tế cá thể => tập thể

b. Kinh tế tư nhân.

d. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

c. Kinh tế nhà nước

**26. Kinh tế nhà nước đóng vai trò gì trong nền kinh tế:**

a. Động lực

b. Chủ đạo.

c. Quan trọng

d. Nền tảng => Kinh tế tập thể

**27. Kinh tế tư nhân đóng vai trò gì trong nền kinh tế:**

a. Động lực

b. Chủ đạo.

c. Quan trọng

d. Nền tảng.

**28. Quan hệ giữa các thành phần kinh tế trong nền kinh tế nước ta là:**

a. Bình đẳng

b. Hợp tác, cạnh tranh.

c. Cùng phát triển theo pháp luật

d. Cả a,b,c

2**9. Những hình thức phân phối chủ yếu kinh kinh tế thị trưởng nước ta là:**

a. Phân phối theo lao động

c. Phân phổi thông qua các quỹ phúc lợi.

b. Phân phối theo hiệu quả kinh tế.

d. Cả a,b,c đúng.

**30. Các nhân tố ảnh hưởng đến quan hệ lợi ích ở nước ta là:**

a. Trình độ phát triển LLSX

b. Địa vị các chủ thể trong hệ thống QHSX xã hội.

c. Chính sách phân phối của nhà nước

d. Cả a,b,c.

**31. Vai trò của nhà nước trong bảo đảm hài hòa các lợi ích.**

a. Bảo vệ lợi ích hợp pháp, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tìm kiếm lợi ích của các chủ thể kinh tế.

b. Điều hòa lợi ích giữa cá nhân – doanh nghiệp – xã hội.

c. Kiềm soát, ngăn ngừa các quan hệ lợi ích có ảnh hưởng tiêu cực đối với sự phát triển xã hội.

d. Cả a,b,c đúng.

**32. Nội dung cách mạng công nghiệp lần thứ I là:**

a. Chuyển từ lao động thủ công sang lao động máy móc.

b. Điện khí hóa

c. Tự động hóa và tin học hóa.

d. trí tuệ nhân tạo, công nghệ thực tế ảo

**33. Nội dung cách mạng công nghiệp lần thứ II là:**

a. Chuyển từ lao động thủ công sang lao động máy móc.

b. Điện khí hóa.

c. Tri tuệ nhân tạo, công nghệ thực tế ảo.

d. Tự động hóa và tin học hóa.

**34. Nội dung cách mạng công nghiệp lần thứ III là:**

a. Chuyển từ lao động thủ công sang lao động máy móc.

b. Điện khí hóa.

c. Tự động hóa và tin học hóa.

d. trí tuệ nhân tạo, công nghệ thực tế ảo.

**35. Nội dung cách mạng công nghiệp lần thứ IV là:**

a. Chuyển tử lao động thủ công sang lao động máy móc.

b. Điện khí hóa.

c. Tự động hóa và tin học hóa.

d. Trí tuệ nhân tạo, công nghệ thực tế ảo

**36. Mô hình công nghiệp hóa cổ điển tiêu biểu ở nước Anh, với nội dung cơ bản là:**

a. Cơ khí hóa

b. Tự động hóa

c. Điện khi hóa

d. Tin học hóa

**37. Công nghiệp hóa theo mô hình cổ điển được tiến hành theo lối:**

a. Tuần tự

b. Đi tắt, đón đầu.

c. Vừa tuần tự, vừa đi tắt, đoán đầu

d. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ từ các nước đi trước

**38. Mô hình công nghiệp hóa kiểu Liên Xô (cũ) có đặc trưng là:**

a. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng.

b. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong việc phân bố các nguồn lực

c. Theo cơ chế kế hoạch hóa, tập trung, quan liêu, bao cấp.

d. Cả a,b,c đều đúng

**? 39. Địa tô chênh lệch I hình thành trên**

a. Ruộng xấu

b. Đất tốt, trung bình

c. Do thâm canh đất đai

d. Đất màu mỡ

**40. Địa tô chênh lệch II hình thành trên**

a. Ruộng xấu

b. Đất tốt

c. Do thâm canh đất đai

d. Đất màu mở

**41. Phương pháp sản xuất giá trị thặng dư tương đối là phương pháp thu được (m) bằng cách.**

a. Kéo dài thời gian lao động. (tuyệt đối)

b. Tăng năng suất lao động.

c. Tăng cường độ lao động.

d. cả a,b,c đúng.

**42. Kinh tế chính trị của Các Mác kế thừa trực tiếp từ.**

a. Thomas Mun b. W. Petty c. Boiguillebert d.David Ricardo

**43. Đối tượng của kinh tế chính trị theo nghĩa rộng là nghiên cứu:**

a.Quan hệ sản xuất

b. Lực lượng sản xuất..

c. Kiến trúc thượng tầng.

d. QHSX trong mối liên hệ với LLSX và kiến trúc thưởng tầng của **nhiều** phương thức sản xuất,

**44. Đặc trưng cơ bản của quy luật kinh tế khác quy luật tự nhiên là:**

a. Không có gì khác

b. Phát sinh và phát huy tác dụng thông qua hoạt động của con người.

c. Mang tính khách quan, tồn tại độc lập bên ngoài ý thức con người.

d. Mang tính chủ quan.

**45. Phương pháp đặc trưng để nghiên cứu kinh tế chính trị là:**

a. Phương pháp thống kê

b. Phương pháp toán học

c. Phương pháp trừu tượng hóa

d. Cả a, b, c đều đúng

**46. Hàng hoá trao đổi với nhau vì:**

a. Chúng cùng là sản phẩm của lao động

b. Có lượng thời gian hao phí lao động xã hội cần thiết để sản xuất ra chúng bằng nhau

c. Có lượng hao phí vật tư kỹ thuật bằng nhau

d. Cả a và b đúng

**47. Số lượng giá trị sử dụng phụ thuộc các nhân tố:**

a. Những điều kiện tự nhiên

b. Trình độ khoa học công nghệ

c. Chuyên môn sản xuất

d. Cả a,b,c

**48. Giá trị sử dụng là phạm trù:**

a. Vĩnh viễn

b. Cổ định

c. Lịch sử

d. Lưu động.

**49. Ai là người phát hiện ra tính chất hai mặt của lao động sản xuất hàng hoá**

a.A.Smith

b.C. Mac

c.Ph.Ăng ghen

d.D.Ricardo

**50. Để phản ánh trình độ người lao động, C Mác dùng khái niệm:**

a. Lao động giản đơn và lao động phức tạp.

b. Lao động thành thạo, chưa thành thạo.

c. Lao động bậc thấp và lao động bậc cao.

d. Lao động có chuyên môn và không có chuyên môn.

XONG 22H41 24/11/2023

Còn câu 39, 18

**ĐỀ 2**

**Cách viết đúng: CNH, HDH**

Còn câu: 5, 6, 7, 32, 37, 40

**4. Nền kinh tế TQ hiện nay là nền kinh tế:**

b. Kinh tế thị trường định hướng XHCN

a. Kinh tế thị trường XHCN

c. Kinh tế thị trường XHCN nhưng ở giai đoạn đầu

d. Cả a,b,c.

**? 5. Quan điểm CNH ở nước ta gắn liền với HĐH có thể hiểu là**

a. Không như mô hình CNH cổ điển

b. CNH gắn với cách mạng công nghệ 4.0

c. CNH theo kiểu đi tắt, đón đầu

d. Cả a, b, c.

**? 6. Vì sao trước đổi mới ta không chủ trương phát triển kinh tế tư nhân**

a. Vì kinh tế tư nhân quy mô quá nhỏ

b. Vì ta hay đồng nhất kinh tế tư nhân với kinh tế tư bản

c. Vì ta cho rằng kinh tế tư nhân hàng ngày hàng giờ tự phát đẻ ra CNTB

d. Cả a,b,c.

**? 7. Quan điểm nào về chính sách xã hội nước ta sau đây là đúng**

a. Chính sách xã hội phải phù hợp với thực trạng kinh tế

b. Chính sách xã hội thể hiện trong từng bước đi, từng chính sách

c. Chính sách xã hội thể hiện trong từng bước đi, từng chính sách và xuyên suốt cả quá trình phát triển

d. Cả a,b,c.

**8. Trong các loại hình sở hữu nước ta hiện nay, sở hữu nào là quan trọng nhất ?**

a. Tư nhân

b. Tập thể

d. Nhà nước

c. Xã hội

**9. Trong các thành phần kinh tế sau đây, thành phần nào là quan trọng nhất ở nước ta hiện nay**

a. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.

c. Kinh tế nhà nước.

b. Kinh tế tư nhân.

d. Kinh tế tập thể.

**10. Quy luật giá trị yêu cầu gì**

a. Sản xuất hàng hoá phải dựa trên hao phí lao động xã hội cần thiết

b. Trao đổi hàng hoá phải dựa trên cơ sở ngang giá

c. Hao phí của lao động cá biệt phải phù hợp hao phí lao động xã hội

d. Cả a,b,c.

**11. Cạnh tranh trong nội bộ ngành dẫn đến hình thành:**

a. Giá cả thị trường của hàng hóa

b. Giá trị thị trường của hàng hóa

d. Tỉ suất lợi nhuận bình quân

c. Lợi nhuận bình quân

**12. Khi nghiên cứu phương thức sản xuất TBCN, C. Mác bắt đầu từ**

a. Nền sản xuất nói chung

b. Sản xuất hàng hoá

c. Sản xuất giá trị thặng

d. Lưu thông hàng hoá

**13. Phương pháp trừu tượng hoá khoa học là**

a. Gạt bỏ những biểu hiện phức tạp của đối tượng nghiên cứu

b. Gạt bỏ những hiện tượng ngẫu nhiên, bề ngoài, chỉ giử lại những mối quan hệ phổ biến mang tính bản chất.

c. Quá trình đi từ cụ thể đến trừu tượng và ngược lại.

d. Quá trình đi từ cụ thể đến trừu tượng và ngược lại.

**14. Sức lao động là:**

a. Toàn bộ thể lực và trí lực trong một người đang sống và được người đó đem ra

để sản xuất một giá trị sử dụng nào đó.

b. Khả năng lao động được tiêu dùng trong quá trình sản xuất.

c. Hoạt động có mục đích của con người để tạo ra của cải

d. Cả a và b.

**15. Trước khi hình thành lợi nhuận bình quân, vì sao giá trị thặng dư bằng, nhỏ hơn hay lớn hơn lợi nhuận.**

a. Do trình độ quản lý và tay nghề của người lao động.

b. Do tác động của quan hệ cung – cầu.

c. Do trình độ quản lý của người lao động.

d. Do tay nghề của người lao động.

**16. Vì sao lợi nhuận siêu ngạch trong CN chỉ là tạm thời**

a. Do tư bản tự do di chuyển từ ngành này sang ngành khác

b. CN có cấu tạo hữu cơ cao.

c. Do ai cũng cải tiến kỹ thuật chạy theo lợi nhuận siêu ngạch.

d. Tỉ suất lợi nhuận có xu hướng giảm dần.

**17. Vì sao tỉ suất lợi nhuận nhỏ hơn tỉ suất giá trị thặng dư**

a. Do tài năng kinh doanh kém của nhà tư bản.

b. Do m’ = m/v.100%, còn P’ = m/ (c+v).100%

c. Do cấu tạo hữu cơ tăng.

d. Do năng suất của công nhân làm thuê giảm.

**18. Quy luật giá trị và biểu hiện của nó trong giai đoạn tự do cạnh tranh biểu hiện bằng quy luật gì ?**

a. Giá cả thị trường

b. Cung - cầu

c. Cạnh tranh

d. Giá cả sản xuất.

**19. Quy luật giá trị và biểu hiện của nó trong giai đoạn độc quyền biểu hiện bằng quy luật gì?**

a. Giá cả thị trường

b. Cung - cầu

c. Giá cả sản xuất.

d. Quy luật lợi nhuận độc quyền cao

**20. Ti suất lợi nhuận là chỉ tiêu đánh giá**

a. Hiệu quả sử dụng lao động quá khứ

b. Hiệu quả sử dụng lao động sống

c. Hiệu quả sử dụng vốn đầu tư

d. Trình độ bóc lột nhà từ bản

**21. Ý nghĩa của việc phân chia tư bản thành tư bản bất biến C và tư bản khả biến V**

a. Để cải tiến quản lý của nhà tư bản

b. Để tìm cơ cấu của mỗi loại tư bản

c. Để xác định vai trò của mỗi loại tư bản đối với việc sản xuất ( m ) và phê phán quan điểm máy móc sinh ra (m)

d. Để tăng cường bóc lột công nhân làm thuê.

**22. Thời gian lao động xã hội cần thiết để tạo nên hàng hoá được tính theo:**

a. Thời gian lao động trung bình của các nhà sản xuất các loại hàng hoá trên thị

trường.

b. Thời gian lao động trung bình của các nhà sản xuất cùng loại hàng hoá trên thị trường.

c. Thời gian lao động thấp nhất của các nhà sản xuất các loại hàng hoá trên thị

trường.

d. Thời gian lao động cao nhất của các nhà sản xuất các loại hàng hoá trên thị

trường.

**23. Chọn ý đúng về hàng hoá sức lao động**

a. Nó tồn tại trong con người

b. Có thể mua – bán nhiều lần

c. Giá trị sử dụng tạo ra giá trị mới.

d. Cả a,b,c.

**24. Tuần hoàn của tư bản CN là sự thống nhất của hình thái tuần hoàn nào**

a. Tư bản lưu thông – tư bản sản xuất và tư bản hàng hoá

b. Tư bản tiền tệ — tư bản sản xuất và tư bản cho vay

c. Tư bản tiền tệ — tư bản sản xuất và tư bản hàng hoá

d. Tư bản sản xuất — tư bản hàng hoá và tư bản lưu thông.

**25. Bản chất tiền công là giá cả sức lao động là tiền công gì ?**

a. Tiền công theo thời gian

b. Tiền công theo sản phẩm

d. Tiền công thực tế.

c. Tiền công danh nghĩa

**26. Nhận định nào về lợi nhuận dưới đây là đúng.**

a. Là hình thức biến tướng của giá trị thặng dư

b. Là con đẻ của tư bản ứng trước.

c. Hiệu số giữa doanh thu trừ đi chi phí

d. Cả a,b,c.

**27. Vai trò của máy móc trong quá trình sản xuất ra giá trị thặng dư**

a. Nguồn gốc chủ yếu tạo ra (m)

b. Chỉ là tiền đề vật chất tạo ra (m)

c. Máy móc và sức lao động đều tạo ra (m)

d. Máy móc là yếu tố quyết định.

**28. Thế nào là năng suất lao động, chọn ý đúng**

a. Là hiệu quả, là khả năng của lao động cụ thể

b. NSLĐ được tính bằng số sản phẩm tạo ra trong 1 đơn vị thời gian

c.Thời gian lao động hao phí để sản xuất một đơn vị sản phẩm

d. Cả a,b,c.

**29. Tích tụ và tập trung tư bản giống nhau ở điểm nào ?**

a. Đều làm tăng quy mô tư bản cá biệt.

b. Tăng quy mô tư bản xã hội.

c. Phản ánh mối quan hệ trực tiếp giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân.

d. Cả a,b,c.

**30. Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam là nền kinh tế:**

a. Vừa tuân theo quy luật thị trường.

b. Vừa định hướng CNXH.

c. Mục tiêu là Dân giàu, nước mạnh, dân chủ công bằng, văn minh.

d. Cả a,b,c.

**31. Quan hệ giữa các thành phần kinh tế trong nền kinh tế nước ta là:**

a. Bình đẳng

b. Hợp tác, cạnh tranh.

c. Cùng phát triển theo pháp luật

d. Cả a,b,c.

**? 32. Câu nói của C Mác: “Cái cối xay chạy bằng sức gió đẻ ra xã hội phong kiến, cái cối**

**xay chạy bằng hơi nước đẻ ra xã hội tư bản” là muốn nói đến**

a. Mỗi XH thích ứng với nền tảng vật chất nhất định

b. XH phong kiến dựa trên nền tảng thủ công

c. XHTB dựa trên nền sản xuất đại công nghiệp cơ khí

d. Cả a,b,c.

**33. Mô hình CNH Nhật Bản và các nước CN mới (Nics) có đặc trưng là:**

a. Đẩy mạnh chuyển giao công nghệ từ những nước đi trước.

b. Vừa tuần tự, vừa đi tắt, đón đầu.

c. Ưu tiên phát triển CN nặng.

d. Cả a và b đúng.

**34. Quan hệ giữa giá trị và giá cả là:**

a. Giá trị là nội dung bên trong, giá cả là hình thức biểu hiện bên ngoài của 1 hàng hóa

b. Giá cả là nội dung bên trong, giá trị là hình thức biểu hiện bên ngoài của 1 hàng hóa.

c. Không có quan hệ gì.

d. Giá cả thường phản ánh sai lệch giá trị.

**35. Lao động nào tạo nên giá trị của hàng hoá:**

a.Lao động cụ thể

b. Lao động giản đơn

c. Lao động trừu tượng

d. Lao động phức tạp

**36. Chọn ý đúng khi cường độ lao động tăng lên thì:**

a. Số lượng hàng hoá làm ra trong đơn vị thời gian tăng lên

b. Số lượng lao động hao phí trong thời gian không đổi

c. Gía trị 1 đơn vị hàng hoá giảm đi.(0 đổi) => KO phụ thuộc vào cường độ lao động

d. Cả a,b,c đều đúng.

**? 37. Khi đồng thời tăng năng suất lao động và cường độ lao động lên 2 lần thì ý nào dưới đây là đúng**

a. Tổng số hàng hoá tăng lên 4 lần, tổng số giá trị hàng hoá không đổi.

b. Tổng số giá trị hàng hoá tăng 2 lần ,tổng số hàng hoá tăng 2 lần

c. Gía trị hàng hoá giảm 2 lần ,tổng số giá trị hàng hoá tăng 2 lần

d. Tổng số hàng hoá tăng lên 2 lần, giá trị 1 hàng hoá giảm 2 lần

**38. Sức lao động trở thành hàng hóa phổ biến khi nào:**

a. Từ khi có sản xuất hàng hóa

b. Từ khi có kinh tế thị trường.

c. Từ xã hội chiếm hữu nô lệ

d. Từ khi có CNTB.

**39.Việc mua bán sức lao động và mua bán nô lệ khác nhau ở điểm nào:**

a. Bán nô lệ là bán con người, còn bán lao động là bán khả năng lao động của con

người.

b. Hoàn toàn khác nhau.

c. Giống về bản chất, chỉ khác về hình thức

d. Cả a và c đúng.

**? 40. Lưu thông hàng hóa dựa trên nguyên tắc ngang giá:**

a. Giá cả của từng hàng hóa luôn luôn bằng giá trị của nó.

b. Giả cả có thể tách rời giá trị và xoay quanh giá trị của nó.

c. Tổng giá trị = tổng giá cả.

d. Cả b và c.

**Đề xin trên FB (Cần CHECK)**

**Câu 1: Khái niệm thị trường theo nghĩa rộng là:**

**Câu 2: Đặc trưng của nền kinh tế thị trường là:**

**Câu 3: Tác động của quy luật giá trị là:**

**Câu 4: Trong quan hệ cung - cầu khi nào giá cả bằng giá trị**

**Câu 15: Mốc thời gian tính CNTB ra đời là từ cách mạng:**

**Câu 16: Mô hình công nghiệp hóa nào lấy tích lũy vốn bằng đi xâm lược**

**Câu 17: Đại hội mấy Đảng ta đưa ra khái niệm kinh tế thị trường định hướng XHCN**

**Câu 18: Mô hình kinh tế nước ta diễn đạt cách nào sau đây là đúng:**

**Câu 19: Công nghiệp hóa nước ta diễn đạt cách nào sau đây là đúng:**

**Câu 20: CNH nước ta gắn liền với hiện đại hóa là vì:**

**Câu 21: Mô hình CNH nào, nhà nước giữ vai trò quyết định phân bổ các nguồn lực**

**Câu 22: Mô hình CNH nào, thị trường giữ vai trò quyết định phân bổ các nguồn lực**

**Câu 30: Điểm khác nhau về vai trò kinh tế tư nhân giữa đại hội XIII và đại hội XII**

**Câu 31: Hài hòa các lợi ích trong nền kinh tế thị trường là**

**Câu 32: D. Ricardo cho rằng, giá cả ruộng đất là khả năng sinh lợi trên đất và nó bằng một số năm thu tô quyết định và thời gian đó là:**

**Câu 33: Người cho rằng giá cả ruộng đất là khả năng sinh lợi trên đất, đó là:**

**Câu 34: Nông nghiệp thu được lợi nhuận siêu ngạch ngoài lợi nhuận bình quân là do:**

**Câu 35: CNTB từ ngày ra đời đến nay đã trải qua bao nhiêu năm phát triển:**